

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2025

V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vy Thiện Hào

Bà Hoàng Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Linh Thuý B, sinh ngày 18/6/1991, địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020191011274, ngày cấp 03/6/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Duy T, sinh ngày 20/9/1991, địa chỉ: Thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020091009313, ngày cấp 22/11/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/6/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Linh Thuý B trình bày:

Chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T quen nhau năm 2012 khi cùng nhau đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, yêu nhau được 8 tháng, đến cuối năm 2012 thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Ngày

22/01/2013 chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Văn Quan (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn hai vợ chồng vào miền nam làm công nhân được 01 năm thì quay về địa phương sinh sống. Từ khi vào miền nam làm việc thì hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Sau khi về nhà được 09 tháng, cai sữa con thì vợ chồng lại gửi con cho ông bà nội để đi Bắc Ninh làm công nhân, mặc dù sống cùng nhau nhưng anh Nông Duy T không chịu đi làm, ở nhà chơi game nên vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Từ tháng 01 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân và không liên lạc với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Linh Thuý B đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nông Duy T. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013. Khi ly hôn chị Linh Thuý B yêu cầu anh Nông Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Minh Q cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Linh Thuý B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025 anh Nông Duy T trình bày: Anh Nông Duy T và chị Linh Thuý B quen nhau từ năm 2012 khi cùng nhau đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, sau đó tìm hiểu, yêu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện Văn Quan (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 22/01/2013. Việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng lại đi tỉnh Bình Dương làm công nhân đến cuối năm 2013 thì về sinh sống cùng với gia đình tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2015 hai vợ chồng lại cùng nhau đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, năm 2017 chị Linh Thuý B tiếp tục đi làm, anh Nông Duy T về quê sống và chăm sóc con, do điều kiện xa cách nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, hay cãi nhau do bất đồng quan điểm. Từ năm 2024 vợ chồng không còn liên lạc với nhau do chị Linh Thuý B chặn liên lạc của anh Nông Duy T. Hiện nay chị Linh Thuý B yêu cầu ly hôn nhưng anh Nông Duy T không nhất trí, yêu cầu đoàn tụ để chăm sóc con cái. Về con chung: Có 01 con chung tên là Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013, hiện đang sống cùng anh Nông Duy T tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp phải ly hôn anh Nông Duy T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nông Minh Q cho đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu chị Linh Thuý B cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 11/6/2025 cháu Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013 trình bày: Cháu Nông Minh Q là con chung của anh Nông Duy T và chị Linh Thuý B, cháu đang học lớp 7 và đang sống cùng bố và ông bà nội ở thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Trường hợp bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục được sống cùng bố và ông bà nội do mẹ đi làm ăn xa ít về.

Toà án nhân dân huyện Văn Quan (nay là Toà án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn) đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 354/UBND ngày 05/6/2025, UBND xã T1, huyện V (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) cho biết: Chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T có đăng ký kết hôn tại

UBND xã T1, huyện V, nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn ngày 22/01/2013. Chị Linh Thuý B thường xuyên đi làm ăn xa, không ở địa phương, vợ chồng có một con chung là Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2011 hiện đang sống cùng anh Nông Duy T tại thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn.

Tại biên bản xác minh ngày 11/6/2025, bà Hoàng Thị Đ là mẹ đẻ của anh Nông Duy T cho biết: Anh Nông Duy T và chị Linh Thuý B kết hôn năm 2012 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau khi kết hôn thì hai vợ chồng đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương, đến giữa năm 2013 thì về địa phương sinh sống, sau khi sinh con được 01 tuổi thì hai vợ chồng lại đi làm công nhân. Quá trình chung sống chị Linh Thuý B ít khi ở nhà vì thường xuyên đi làm ăn xa. Bà Hoàng Thị Đ không biết vợ chồng có mâu thuẫn gì nhưng mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để chăm sóc con cái.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/6/2025, tuy nhiên chị Linh Thuý B vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh Nông Duy T có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai đương sự, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng không đến phiên tòa là không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Linh Thuý B, xử cho chị Linh Thuý B được ly hôn anh Nông Duy T. Về con chung, giao cháu Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013 cho anh Nông Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi, buộc chị Linh Thuý B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Nông Minh Q đủ 18 tuổi. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung do đương sự trình bày không có. Về án phí, buộc chị Linh Thuý B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, bị đơn cư trú tại thôn C, xã T1, huyện V (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân. Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Linh Thuý B: Xét thấy chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T có quen biết, yêu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 22/01/2013 tại UBND xã T1, huyện V (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nguyên đơn trình bày sau khi kết hôn vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh Nông Duy T không chịu đi làm mà thường xuyên chơi game, không quan tâm giúp đỡ vợ con. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Anh Nông Duy T cũng trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Anh Nông Duy T không nhất trí ly hôn nhưng không có giải pháp đề hàn gắn quan hệ vợ chồng. Tòa án đã mở phiên hoà giải để hai bên đương sự có điều kiện hoà giải, tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị Linh Thuý B đề nghị giải quyết vắng mặt, anh Nông Duy T đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Tại phiên tòa hôm nay cả hai bên đương sự đều vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Linh Thuý B.

[4] Về con chung: Chị Linh Thuý B và anh Nông Duy T có 01 con chung tên là Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013, hiện đang sống cùng anh Nông Duy T ở thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Chị Linh Thuý B yêu cầu khi ly hôn giao cho anh Nông Duy T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Minh Q cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Nông Duy T cũng yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Nông Minh Q đang sống ổn định cùng anh Nông Duy T ở thôn C, xã T, tỉnh Lạng Sơn, được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đầy đủ. Chị Linh Thuý B đang đi làm ăn xa, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Cháu Nông Minh Q có nguyện vọng được sống cùng bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, giao cho anh Nông Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Minh Q cho đến khi con đủ 18 tuổi để không làm xáo trộn cuộc sống của trẻ vị thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Linh Thuý B trình bày ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Nông Minh Q đủ 18 tuổi, anh Nông Duy T nhất trí mức

cấp dưỡng nuôi con nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự trình bày không có.

[6] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Linh Thuý B là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, không thuộc đối tượng miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Linh Thuý B được ly hôn anh Nông Duy T.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Minh Q, sinh ngày 22/11/2013 cho anh Nông Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Linh Thuý B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng (*Ba triệu đồng/tháng*), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Nông Minh Q đủ 18 tuổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi

hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Linh Thuý B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Linh Thuý B đã nộp 300.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003363 ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 tỉnh Lạng Sơn. Chị Linh Thuý B còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã T, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tô HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu Hường